

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;*

*Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 202/TTr-LĐTBXH ngày 24/12/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Triển khai thực hiện Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Hướng dẫn các địa phương, cơ sở trợ giúp xã hội và các đơn vị liên quan trên

địa bàn tỉnh triển khai thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác theo đúng quy định tại Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam; Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ, Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ Tài chính và các văn bản khác có liên quan.

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, rà soát, thống kê đối tượng theo Điều 2 Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; tổng hợp, lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ ngân sách cho các địa phương, cơ sở trợ giúp xã hội và các đơn vị có liên quan để thực hiện.

d) Tiếp tục hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố thực hiện phương thức chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng qua cơ quan Bưu điện cho các đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 20/NĐ-CP của Chính phủ và đối tượng bảo trợ xã hội khó khăn khác quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh.

đ) Kiểm tra, thanh tra, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh nguồn kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh, trong đó có kinh phí chi trả phí dịch vụ chi trả trợ cấp cho cơ quan Bưu điện; hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, quyết toán nguồn kinh phí thực hiện theo quy định.

3. Sở Y tế chịu trách nhiệm cung cấp danh mục bệnh hiểm nghèo theo quy định của pháp luật làm cơ sở cho các địa phương căn cứ thực hiện xác định đối tượng và thực hiện chính sách theo quy định tại điểm f Điều 2 Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

4. Bưu điện tỉnh Quảng Nam chỉ đạo hệ thống Bưu điện địa phương thực hiện chi trả chế độ cho đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác được quy định tại Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, chế độ và thời gian quy định; tổng hợp, quản lý và quyết toán kinh phí chi trả với cơ quan thẩm quyền theo quy định; định kỳ báo cáo số lượng đối tượng và kinh phí chi trả với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi, phối hợp.

5. Các cơ sở trợ giúp xã hội và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện kịp thời chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác theo đúng quy định tại Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ, các Thông tư và các văn bản có liên quan.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng đối tượng, mức

chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan đến thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn rà soát, lập hồ sơ, thủ tục thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác theo đúng quy định tại Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và hướng dẫn của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội.

c) Chỉ đạo các cơ sở trợ giúp xã hội và các đơn vị liên quan do cấp huyện thành lập và quản lý tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác theo đúng quy định tại Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tư số 76/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính và các văn bản khác có liên quan.

d) Tổng hợp số lượng đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác, nhu cầu kinh phí thực hiện gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí thực hiện kịp thời, đúng quy định.

đ) Tổng hợp, báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên các cấp phối hợp tuyên truyền, phổ biến, giám sát việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, cơ sở trợ giúp xã hội và cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Hội, đoàn thể tỉnh;
- Bưu điện tỉnh Quảng Nam;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KGVX (Tiền).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Anh Tuấn**